| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN QO**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 61/2022/QĐST-DS | *QO, ngày 08 tháng 9 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên B hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2021/TLST- KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2021 (số thụ lý theo hồ sơ kinh doanh).

## XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên B hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên B hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H – Chuyên viên xử lý nợ theo Giấy ủy quyền số 8264/2021/UQ-SeABank ngày 07/6/2021 của Phó Giám đốc Khối xử lý nợ SeABank.

**- Bị đơn: Ông Vương Đắc C, sinh năm 1979 và vợ là bà Bá Thị D, sinh năm 1982.**

ĐKHKTT: Thôn 1, xã CH, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

Ông C là đại diện theo ủy quyền của bà D theo Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022.

**- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**+ Ông Vương Đắc C, sinh năm 1979 và vợ là bà Bá Thị D, sinh năm 1982.** Cùng ĐKHKTT: Thôn 1, xã CH, huyện QO, Thành phố Hà Nội.

**+ Ông Nguyễn Danh B, sinh năm 1973.**

**+ Bà Đắc Thị N, sinh năm 1972** (vợ ông B).

**+ Ông Nguyễn Danh C1, sinh năm 1946** (bố ông B).

**+ Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1954** (mẹ ông B).

**+ Anh Nguyễn Danh Th, sinh năm 1992** (con trai ông B – bà N).

**+ Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1993** (vợ anh Th).

Ông B, bà N, ông C1, bà N1, anh Th và chị V cùng cư trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã TP, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Ông B là người đại diện theo ủy quyền của bà N, ông C1, bà N1, anh Th, chị V theo Giấy ủy quyền ngày 17/5/2022 và ngày 26/5/2022.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Ngân hàng TMCP Đ và ông Vương Đắc C xác nhận tính đến ngày 12/7/2022, vợ chồng ông C – bà D còn nợ Ngân hàng số tiền 4.651.700.000đ (Bốn tỷ, sáu trăm năm mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 00.11.00358/HĐTD ngày 02/6/2011 và Phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng số 00.11.00358/PL01 ngày 02/6/2011. Trong đó:

+ Nợ gốc: 990.000.000đ (Chín trăm chín mươi triệu đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 3.661.700.000đ (Ba tỷ, sáu trăm sáu mươi mốt triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Ông C cam kết ông và vợ có trách nhiệm trả số nợ này cho Ngân hàng TMCP Đ.

**2.2.** Kể từ ngày 13/7/2022, vợ chồng ông C – bà D tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp

đồng hạn mức tín dụng và Phụ lục hợp đồng nêu trên (nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật), tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà ông C - bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

**2.3.** Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, trường hợp ông C – bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu C1 quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là:

- Tài sản thứ nhất: Quyền sử dụng đất thửa đất số 187, tờ B đồ số 08 tại địa chỉ: Thôn Quyết Tiến, xã TP, huyện CM, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba do Văn phòng công chứng Nguyễn Tú (Địa chỉ: Số 90, phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội) công chứng số 302.2010/HĐTC ngày 30/3/2010, đã được Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND huyện CM ngày 31/3/2010. Thửa đất thế chấp đã được UBND huyện CM, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 393444, số vào sổ cấp GCN: 026430 cấp ngày 11/9/2009 cho ông Nguyễn Danh B.

- Tài sản thứ 2: Quyền sử dụng đất thửa đất số 15, tờ B đồ số 03 (nay là thửa đất số 10 tờ B đồ số 13) tại địa chỉ: Xã CH, huyện QO, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do Văn phòng công chứng Nguyễn Tú (Địa chỉ: Số 90, phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội) công chứng số 1303.2011/HĐTC ngày 02/6/2011, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất và nhà UBND huyện QO ngày 02/6/2011. Thửa đất thế chấp đã được UBND huyện QO, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 566766, số vào sổ cấp GCN: 00099.QSDĐ ngày 29/02/2002 cho hộ ông Vương Xuân Ngọ. Ngày 25/3/2011, ông Ngọ đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho ông Vương Đắc C.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông C - bà D vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

**2.4.** Về án phí: Ông C - bà D phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 52.325.850đ (năm mươi hai triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm năm mươi đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2010/0006472 ngày 03/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QO.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện QO;
- Chi cục THADS huyện QO
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đào Thị Thúy**